

Gia Lai, ngày 11 tháng 01 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA  
TỈNH GIA LAI**

**1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua**

Mức nước trên các sông suối của tỉnh Gia Lai từ ngày 01 – 10/01/2026 phổ biến có dao động với biên độ từ 0.05 – 0.30 mét theo xu thế giảm. Riêng trên sông Lại Giang (tại trạm thủy văn Bồng Sơn) và sông Kôn (tại trạm thủy văn Thạnh Hòa) dao động theo điều tiết của hồ chứa.

**2. Dự báo, cảnh báo**

Mức nước trên các sông suối của tỉnh Gia Lai từ ngày 11 – 20/01/2026 phổ biến có dao động với biên độ từ 0.05 – 0.30 mét theo xu thế giảm. Riêng trên sông Lại Giang (tại trạm thủy văn Bồng Sơn) và sông Kôn (tại trạm thủy văn Thạnh Hòa) dao động theo điều tiết của hồ chứa.

Cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Ít có khả năng xảy ra.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Ít có khả năng tác động.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo lúc 16h00'/21/01/2026**

**Tin phát lúc 16h00' ngày 11/01/2026**

**Nơi nhận:**

- Ban PCTT-TKCN&PTDS tỉnh;
- BCH PCTT-TKCN&PTDS cấp xã;
- Báo và PTTT Gia Lai;
- VP UBND tỉnh Gia Lai;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai;
- Sở Công thương tỉnh Gia Lai;
- Phòng QLDB&TTDL KTTV;
- Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia;
- Đài KTTV Trung Bộ;
- Lưu Đài tỉnh.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Quyết Thắng**

**Phụ lục 1**

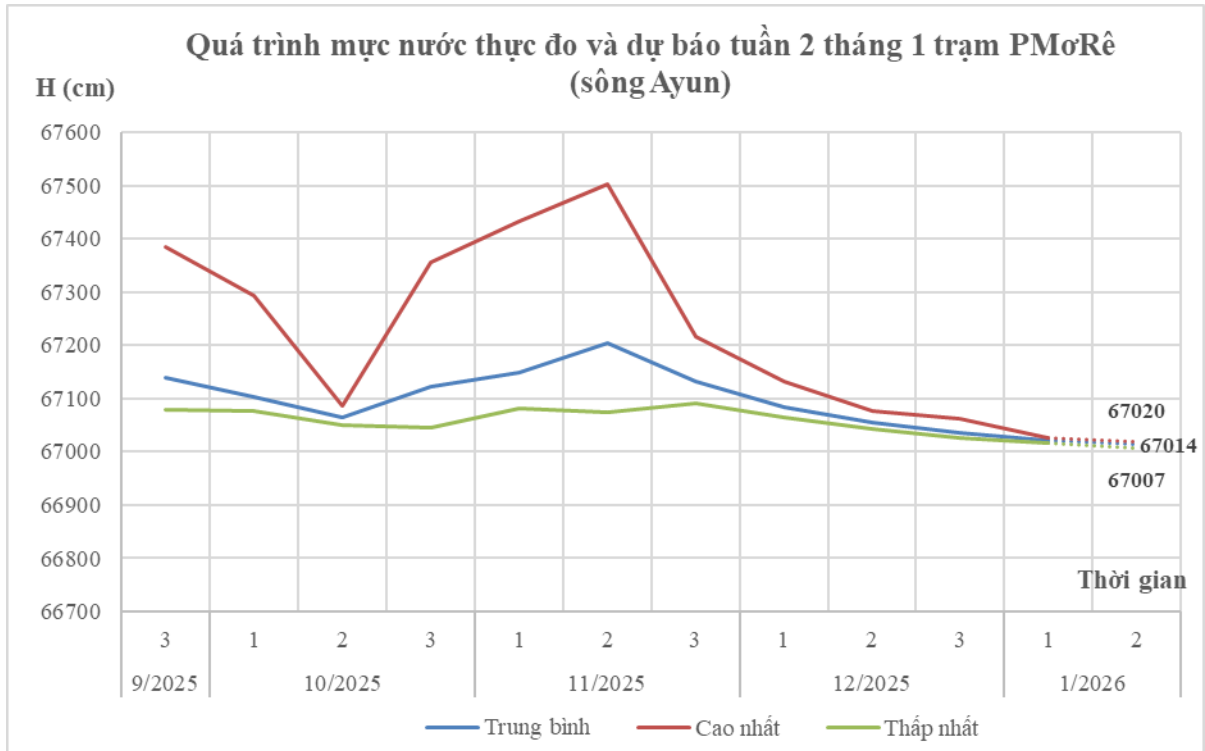
**Bảng 1.1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo tại các trạm**

*Đơn vị: cm*

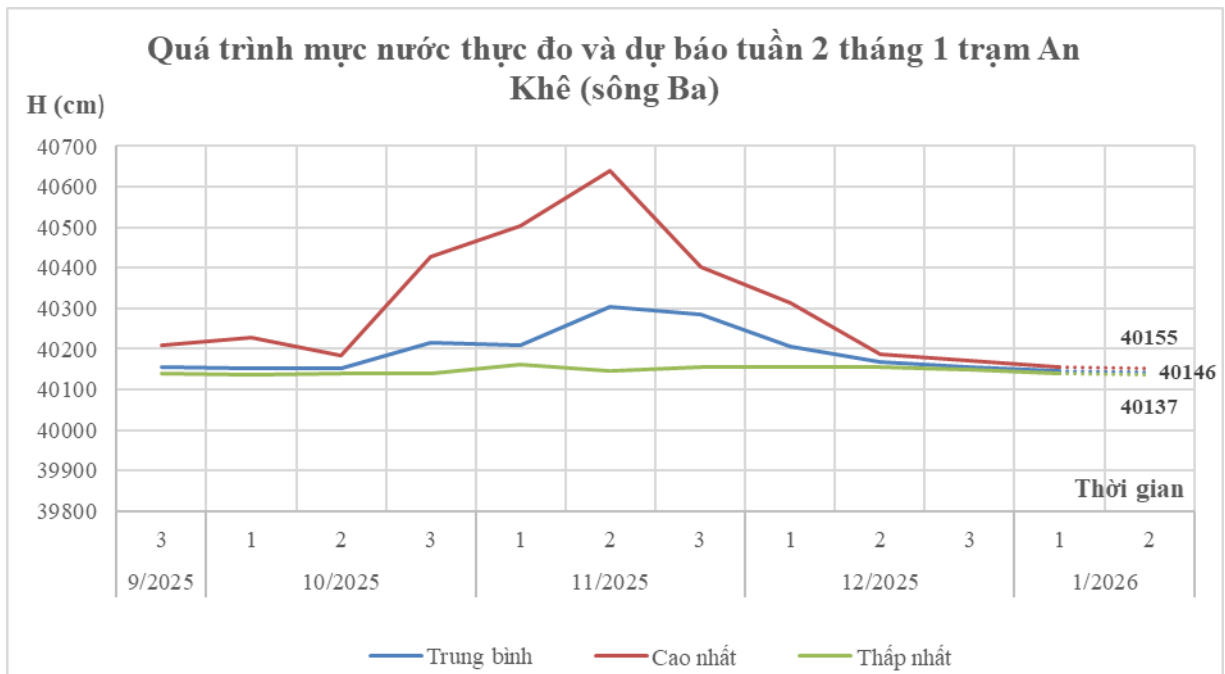
Sông	Trạm	Yếu tố	Thực đo 10 ngày qua			Dự báo								
			Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	5 ngày đầu			5 ngày cuối			Đặc trưng 10 ngày		
						Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Ayun	PMơRê	H (cm)	67021	67026	67017	67016	67020	67010	67012	67015	67007	67014	67020	67007
		Q (m <sup>3</sup> /s)	4.74	5.24	4.34	4.24	4.63	3.66	3.85	4.14	3.36	4.05	4.63	3.36
Ba	An Khê	H (cm)	40147	40157	40139	40146	40155	40138	40145	40155	40137	40146	40155	40137
		Q (m <sup>3</sup> /s)	11.6	16.2	8.40	11.2	15.3	8.00	10.8	15.3	7.67	10.8	15.3	7.37
	Ayunpa	H (cm)	14936	14954	14923	14932	14940	14918	14928	14935	14915	14930	14940	14915
		Q (m <sup>3</sup> /s)	81.2	100	68.8	77.2	85.2	64.5	73.4	80.2	62.2	75.2	85.2	62.2
An Lão	An Hòa	H (cm)	1970	1997	1956	1965	2000	1955	1965	2000	1955	1965	2000	1955
		Q (m <sup>3</sup> /s)	34.7	61.0	25.6	31.7	64.0	25.0	31.7	64.0	25.0	31.7	64.0	25.0
Lại Giang	Bồng Sơn	H (cm)	366	397	330	350	400	300	335	380	285	343	400	285
Kôn	Vĩnh Sơn	H (cm)	6859	6862	6856	6855	6860	6850	6850	6855	6840	6853	6860	6840
	Bình Nghi	H (cm)	1205	1227	1187	1200	1230	1185	1200	1228	1183	1200	1230	1183
	Thanh Hòa	H (cm)	652	676	633	620	690	600	610	680	600	615	690	600

## Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo tại các trạm

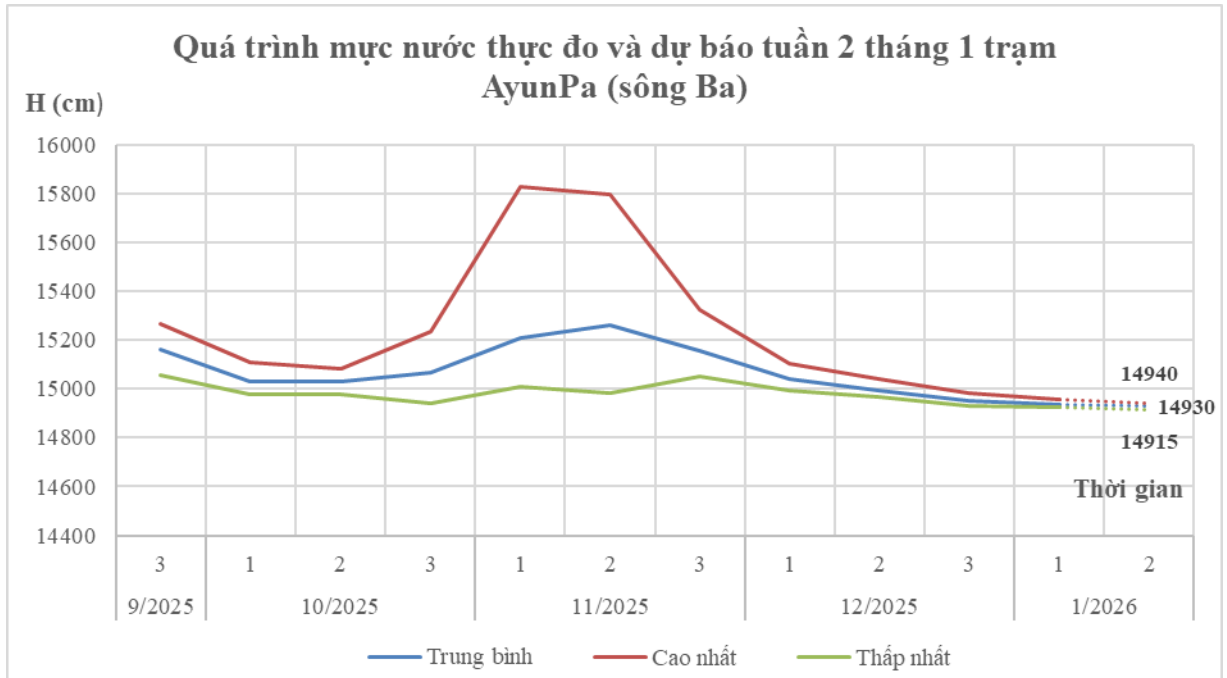
### a. Trạm PMrê



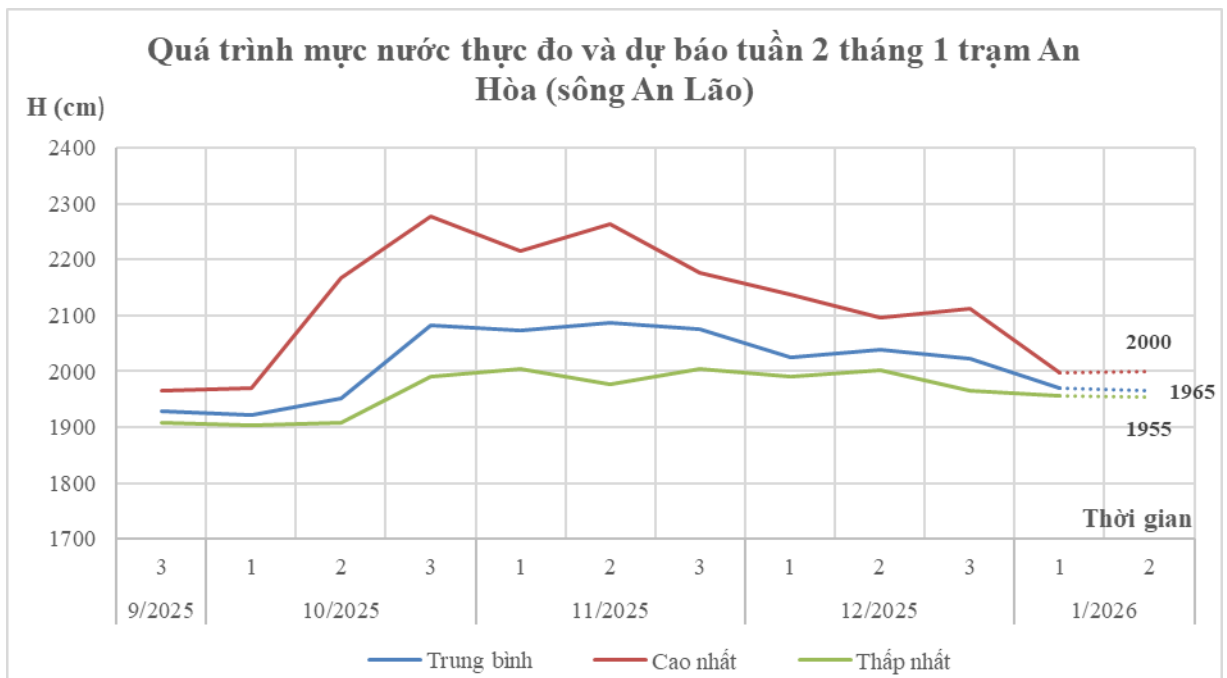
### b. Trạm An Khê



c. Trạm Ayun Pa



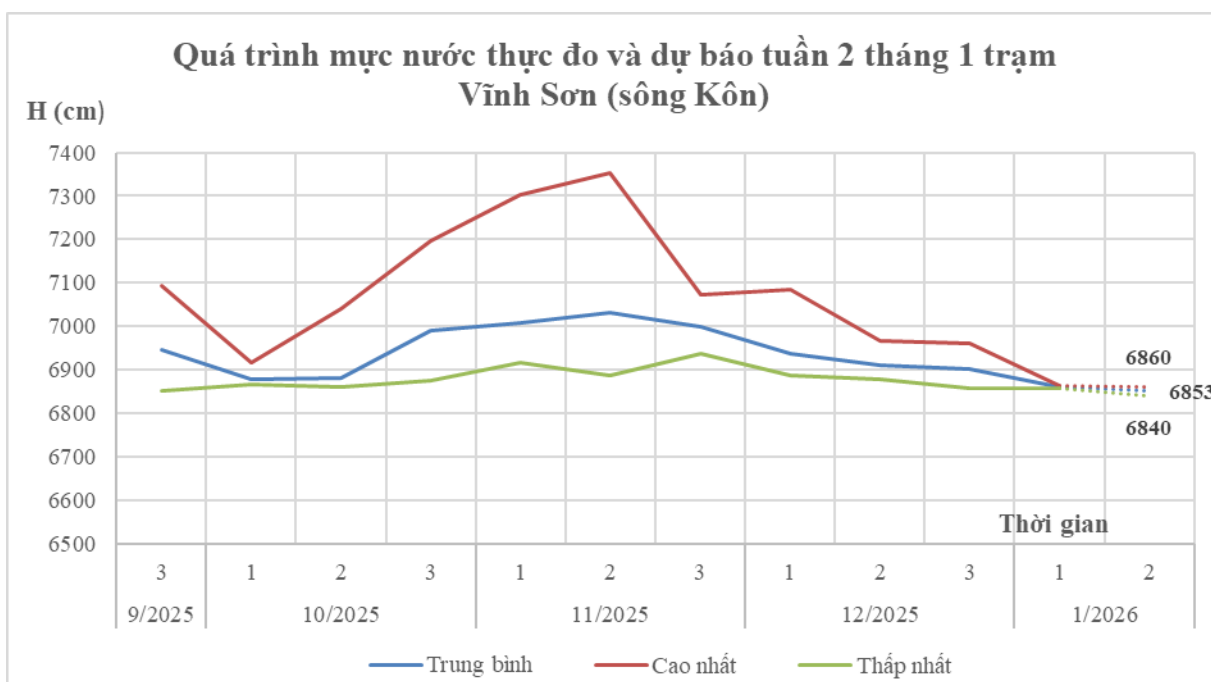
d. Trạm An Hòa



e. Trạm Bông Sơn



f. Trạm Vĩnh Sơn



g. Trạm Bình Nghi



h. Trạm Thanh Hòa

